

Bản án số: 266/2022/DS-PT

Ngày: 30 - 12 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng góp hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Ông **Nguyễn Văn Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Yến** – Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Trần Thị Trúc Lâm**
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DSST ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 298/2022/QĐPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 304/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Mai Thị T**, sinh năm 1963: có mặt.

Địa chỉ: ấp N, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:*

2.1. Anh **Nguyễn Phước Th**, sinh năm 1982: có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp N, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long

2.2. Chị **Phan Thị Yến D**, sinh năm 1981: vắng mặt.

Địa chỉ: ấp N, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp: Anh **Huỳnh Duy Kh**, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp B,

xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 15/3/2021)

Do có kháng cáo của anh Nguyễn Phước Th, chị Phan Thị Yến D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Mai Thị T trình bày:

Vào ngày 19/11/2016 nguyên đơn có mở hội hùn vốn là 5.000.000đ, đây hội có 24 phần, việc tham gia hội có lập danh sách hội và giao cho các hội viên, khi kêu hội thì trong thời gian 07 ngày, chủ hội có nghĩa vụ gom giao cho hội viên nhưng khi hội viên lãnh hội thì không có ký tên. Bị đơn là anh Nguyễn Phước Th tham gia 01 phần, kêu hội lần đầu với lãi hội 1.600.000đ được số tiền 78.200.000đ, trừ huê hồng cho đầu thảo 2.000.000đ còn nhận 76.200.000đ. Sau khi lãnh hội, anh Th đóng lại được 9 lần, còn nợ lại 14 lần với tổng số tiền 70.000.000đ. Hiện bà T đã đóng thay cho anh Th số tiền này. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Th và vợ là chị Phan Thị Yến D có nghĩa vụ trả số tiền hội mà bà T đã đóng thay là 70.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 08/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết bị đơn anh Nguyễn Phước Th trình bày:

Từ trước đến nay anh không có chơi hội và cũng không có mắc nợ của bà T. Nếu bà T cho rằng anh thiếu nợ bà thì bà T phải có giấy nợ. Do anh không có tham gia hội do bà T làm đầu thảo nên anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 01/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết bị đơn chị Phan Thị Yến D trình bày:

Sự việc tham gia hội mà bà T khởi kiện thì chị hoàn toàn không biết nếu nguyên đơn có chứng cứ là chị và anh Th ký tên tại thời điểm mà bà T mở hội mà bà T cho rằng anh Th có tham gia và được xác nhận của chính quyền địa phương thì chị đồng ý cùng anh Th trả cho bà T số tiền trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

Căn cứ theo quy định tại các Điều 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 92, 95, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 16, 30 của Nghị định 144/CP ngày 27/11/2016 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phùng; Điều 27 và Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mai Thị T về việc yêu cầu anh Nguyễn Phước Th liên đới cùng chị Phan Thị Yến D trả tiền nợ hụi.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Phước Th và chị Phan Thị Yến D có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Mai Thị T số tiền hụi là 67.500.000đ (sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 26 tháng 10 năm 2022, bị đơn là chị Phan Thị Yến D kháng cáo không chấp nhận trả tiền hụi cho nguyên đơn là bà Mai Thị T với lý do: chị D không tham gia hụi, không có tên trong danh sách hụi, không có nhận tiền; Tờ xác nhận ngày 02/12/2020, anh Nguyễn Phước Lai thừa nhận đã nhờ anh Nguyễn Phước Th chơi hụi dùm và đã nhận hụi, anh Lai thừa nhận nợ hụi.

Cùng ngày 26 tháng 10 năm 2022, bị đơn là anh Nguyễn Phước Th kháng cáo không đồng ý cùng chị Phan Thị Yến D trả nợ hụi, đề nghị xét xử buộc anh Nguyễn Phước Lai phải hoàn trả nợ hụi cho bà Mai Thị T với lý do anh Th chỉ tham gia hụi dùm cho anh Lai, đã giao tiền hụi hết được cho anh Lai nhận.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo: Đơn xin xác nhận của anh Nguyễn Phước L về việc thừa nhận đã nhờ anh Th tham gia hụi dùm và đã hốt hụi, nhận hụi, trả hụi và còn nợ hụi số tiền 70.000.000 đồng như bị đơn trình bày; Bản án số 88/2020/HNGĐ-ST ngày 16/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tr về việc ly hôn; Bản án số 35/2019/DSPT ngày 07/3/2019 và bản án số 38/2019/DS-PT ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản có nội dung không buộc chị Phan Thị Yến D không chịu trách nhiệm tài sản liên đới vợ chồng với anh Nguyễn Phước Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không có kháng cáo, bà Mai Thị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chấp nhận kháng cáo của chị Phan Thị Yến D, chỉ yêu cầu buộc anh Nguyễn Phước Th có nghĩa vụ trả nợ hụi số tiền như án sơ thẩm đã tuyên.

Bị đơn, chị Phan Thị Yến D có kháng cáo do người đại diện theo ủy quyền trình bày: vẫn giữ yêu cầu kháng cáo với lý do như đơn kháng cáo và thống nhất với yêu cầu của bà T.

Bị đơn, anh Nguyễn Phước Th xin xét xử vắng mặt và có đơn đề ngày 19/12/2022 thừa nhận trách nhiệm trả nợ hụi cho bà Mai Thị T là nghĩa vụ riêng của anh Th do anh đã tự tham gia hụi thay cho anh Nguyễn Phước L và đã giao hụi cho anh Lai, chị D không biết. Anh Th thay đổi kháng cáo, đồng ý trả nợ hụi theo yêu cầu của bà T.

Các đương sự và người tham gia tố tụng về phía đương sự thống nhất được nội dung giải quyết vụ án. Cụ thể: Anh Nguyễn Phước Th có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị T số tiền hụi còn nợ là 67.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận kháng cáo của chị Phan Thị Yến D.

- Sửa án sơ thẩm theo hướng: Buộc anh Nguyễn Phước Th có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền hụi còn nợ là 67.500.000 đồng.

Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí phúc thẩm, anh Th và chị D không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Đơn kháng cáo của các bị đơn còn trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định được xem xét, giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Phước Th có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 374 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

Thỏa thuận của các đương sự và người tham gia tố tụng tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và

thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm nên được công nhận theo quy định tại Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm về nghĩa vụ trả tiền nên sửa án phí sơ thẩm, không buộc chị D mà chỉ buộc anh Th phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng số tiền theo nghĩa vụ phải trả.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo và sửa án sơ thẩm nên chị D, anh Th không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Trả lại cho đương sự không phải chịu án phí số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về lãi suất chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ thi hành án do không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Phan Thị Yến D và Nguyễn Phước Th. Công nhận thỏa thuận của đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DSST, ngày 12/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tr.

Căn cứ theo quy định tại các Điều 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 92, 95, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 16, 30 của Nghị định 144/CP ngày 27/11/2016 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường; Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T.

Buộc anh Nguyễn Phước Th có trách nhiệm trả cho bà Mai Thị T số tiền hộ còn nợ là 67.500.000 đồng (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí

Anh Nguyễn Phước Th phải chịu 3.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng anh Th đã nộp theo Biên lai thu số 0014953 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr được khấu trừ, sau khi khấu trừ anh Th còn phải nộp tiếp 3.075.000 đồng (Ba triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phan Thị Yến D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho chị D số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0014952 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr.

Bà Mai Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Mai Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0016111 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND H. Tr;
- VKSND H.Tr;
- CCTHADS H. Tr;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lâm Triệu Hữu